SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÕ NHAI; Thời gian ký: 2026-11-18T20:33:18+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÕ NHAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1362/QĐ-UBND	*Võ Nhai, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Cải tạo sửa chữa khu ký túc xá A và ký túc xá B Trường PTDTNT THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÕ NHAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2015/QH15, ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 25/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự áng; số *214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 140/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố bộ Đơn giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 807/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình chuyên ngành điện tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các Quyết định của Sở Xây dựng Thái Nguyên: số 310/QĐ-SXD ngày 31/12/2024 về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 534/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 404/QĐ-SXD ngày 02/07/2026 của Sở Xây dựng Thái Nguyên về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư 37/2026/TT-BXD

ngày 26/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND xã Võ Nhai về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Theo đề nghị của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Võ Nhai tại Tờ trình số 261/TTr-TTDVTH ngày 29/10/2026 và đề nghị của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã tại Thông báo kết quả thẩm định số 310/BC-XDNN&MT ngày 05/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo sửa chữa khu ký túc xá A và ký túc xá B Trường PTDTNT THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo sửa chữa khu ký túc xá A và ký túc xá B Trường PTDTNT THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Công trình dân dụng cấp III.

3. Mã số thông tin công trình *(theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)*:

4. Địa điểm xây dựng: Xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Võ Nhai.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Võ Nhai.

7. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Thanh Bình.

8. Mục tiêu dự án: Giúp cho nhà trường có được cơ sở vật chất sinh hoạt, học tập ngày một tốt hơn và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

** Khu ký túc xá A:*

- Cạo trát lại toàn nhà bằng vxm 75# sau đó lăn sơn 3 nước hoàn thiện (1 nước lót, 2 nước màu) trừ chân tường trong phòng ở ốp cao 0.6m, tường trong và ngoài khu vệ sinh, phòng tắm ốp cao 2.4m bằng gạch men kính 300*600mm (hiện trạng trong khu vệ sinh và nhà tắm đang ốp gạch men kính cao 1.8m).
- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện và làm lại hệ thống điện đi ngầm trong tường.
- Bóc dỡ toàn bộ nền sân sau nhà và khu vệ sinh sau đó lát lại nền bằng gạch chống trơn 300*300mm.
- Toàn bộ nền tầng 2 khu vực sân sau, phòng vệ sinh, phòng tắm trước khi lát lại nền phải tiến hành vệ sinh sạch nền và chống thấm bằng màng khò nóng cho đảm bảo.
- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ pano kính gỗ khuôn đơn phòng số 1, 2, 3 sau đó trát lại má cửa bằng vxm 75# và thay bằng cửa nhôm hệ với kính an toàn 6.38mm (kính phòng ở là kính trong suốt còn kính phòng vệ sinh, phòng tắm là kính mờ).

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi giam tắm, gian vệ sinh các phòng còn lại bằng nhôm kính sau đó thay lại bằng cửa nhôm hệ cho đảm bảo.

- Làm mới lại hoa sắt cửa sổ các phòng 1, 2, 3 bằng inox.

- Bổ sung hệ thống xà gồ, bán kèo và khung gia cố lắp đặt lại hệ thống Thái dương năng bằng thép hình U80*40*5mm với tổng chiều dài L=160m sau đó lợp lại mái khu Thái dương năng bằng tôn LD 0.4mm với tổng diện tích S=110m2.

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống thiết bị vệ sinh và làm lại đường nước sau đó lắp đặt lại thiết bị mới cho đảm bảo.

- Dỡ bỏ lan can hành lang tầng 1, 2 thay bằng lan can inox.

- Thay thế toàn bộ khung sắt bảo vệ sau nhà từ trục 6 đến 14 cả tầng 1 và tầng 2 bằng khung inox 201 cho đảm bảo an toàn.

- Vệ sinh và láng chống thấm toàn bộ seno mái bằng màng khò nóng (chống thấm đáy và vén thanh 2 bên mỗi bên lên 150mm) với tổng diện tích S=143.33m2.

- Bổ sung 08 vách ngăn sân sau tại các trụng 7, 9, 11, 13 bằng vách tôn xốp EPS dày 70mm với kích thước mỗi vách là 2.8x3.2m.

- Tháo dỡ và thay thế 08 ống thoát nước mái bằng ống PVC D90mm với mỗi ống gồm 7.5m ống PVC D90mm, 01 phễu thu nước S90mm và 01 cút nhựa D90mm.

- Xây mới 01 bể tự hoại sau nhà bằng gạch không nung với tấm đan BTCT cho đảm bảo.

- Nạo hút bể tự hoại cũ và vệ sinh công nghiệp toàn nhà cho đảm bảo.

- Bóc dỡ nền sân bê tông trước nhà mác 150#, dày 100mm, đầm lại nền và đổ bê tông đá 1x2 mác 200#, dày 100mm sau đó lát gạch Tezzaro 400*400mm với tổng diện tích S=250m2.

** Khu ký túc xá B:*

- Cạo trát lại toàn bộ tường trước, trong khu vệ sinh sau đó ốp gạch men kính 300*600mm cao 2.4m (hiện trạng trong khu vệ sinh và nhà tắm đang ốp gạch men kính cao 1.8m).

- Dỡ bỏ toàn bộ trần thạch cao trong khu xí và vệ sinh sau đó làm trần mới bằng tôn xốp 3 lớp với khung xương hộp kẽm 30*30*1.1mm bố trí với khoảng cách A800mm (TCD; L=16m/phòng), phào trần bằng tôn dập L=11m/phòng.

- Cạo bỏ lớp sơn cũ trên tường, trần nhà còn lại sau đó vệ sinh và lăn sơn 3 nước hoàn thiện, riêng chân tường trong phòng ở tầng 1 và 2 bóc bỏ lớp vữa trát cũ và ốp lại chân tường cao 0.6m bằng gạch men kính 300*600mm.

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện và làm lại hệ thống điện đi ngầm trong tường.

- Bóc dỡ toàn bộ nền sân sau nhà và khu vệ sinh sau đó lát lại nền bằng gạch chống trơn 300*300mm.

- Toàn bộ nền tầng 2 khu vực sân sau, phòng vệ sinh, phòng tắm trước khi lát lại nền phải tiến hành vệ sinh sạch nền và chống thấm bằng màng khò nóng cho đảm bảo.

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ pano kính gỗ khuôn đơn phòng số 1, 2, 3, 4, 5 và 13, 14, 15, 16, 17 sau đó trát lại má cửa bằng vxm 75# và thay bằng cửa nhôm hệ với kính an toàn 6.38mm (kính phòng ở là kính trong suốt còn kính phòng vệ sinh, phòng tắm là kính mờ).

- Làm mới lại hoa sắt cửa sổ các phòng 1, 2, 3, 4, 5 và 13, 14, 15, 16, 17 bằng inox.

- Vệ sinh và sơn lại toàn bộ hoa sắt lan can hành lang, lưới chắn sau khu vệ sinh bằng sơn tổng hợp với diện tích S=140m2.

- Bổ sung hệ thống xà gồ, bán kèo và khung gia cố lắp đặt lại hệ thống Thái dương năng bằng thép hình U80*40*5mm với tổng chiều dài L=160m sau đó lợp lại mái khu Thái dương năng bằng tôn LD 0.4mm với tổng diện tích S=110m2.

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống thiết bị vệ sinh và làm lại đường nước sau đó lắp đặt lại thiết bị mới cho đảm bảo.

- Gia cố lan can hành lang tầng 2 bằng inox 201.

- Tháo dỡ lan can cầu thang trong nhà và thay lại bằng lan can inox cho đảm bảo sau đo mại lại toàn bộ mặt, cổ bâc cầu thang cho đảm bảo vệ sinh.

- Vệ sinh và láng chống thấm toàn bộ seno mái bằng màng khò nóng (chống thấm đáy và vén thanh 2 bên mỗi bên lên 150mm) với tổng diện tích S=120.2m2.

- Tháo dỡ và thay thế 08 ống thoát nước mái bằng ống PVC D90mm với mỗi ống gồm 7.5m ống PVC D90mm, 01 phễu thu nước S90mm và 01 cút nhựa D90mm.

- Nạo hút bể tự hoại cũ và vệ sinh công nghiệp toàn nhà cho đảm bảo.

(Chi tiết theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được duyệt)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

- Căn cứ Tiêu chuẩn thiết kế VN do BXD ban hành, cùng các tiêu chuẩn thiết kế, quy phạm thiết kế có liên quan khác như:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;

- TCVN 5573-2011 - Kết cấu gạch đá và gạch bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574-2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4091-1985 - Tiêu nghiệm thu các công trình xây dựng;

- TCXD 9379 - 2012 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- Công tác đất - thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012;

- Và các tiêu chuẩn hiện hành khác…

11. Tổng mức đầu tư: **7.000.000.000** đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn)*.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.076.085.008	đồng.
- Chi phí QLDA:	207.103.748	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	535.248.399	đồng.
- Chi phí khác:	99.175.116	đồng.
- Dự phòng:	82.387.729	đồng.

(Có biểu tổng hợp dự toán kinh phí xây dựng kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công năm 2026 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Võ Nhai.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

16. Các nội dung khác (nếu có).

- Vệ sinh và sơn lại toàn bộ hoa sắt lan can hành lang, lưới chắn sau khu vệ sinh bằng sơn tổng hợp với diện tích S=140m2.

- Bổ sung hệ thống xà gồ, bán kèo và khung gia cố lắp đặt lại hệ thống Thái dương năng bằng thép hình U80*40*5mm với tổng chiều dài L=160m sau đó lợp lại mái khu Thái dương năng bằng tôn LD 0.4mm với tổng diện tích S=110m2.

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống thiết bị vệ sinh và làm lại đường nước sau đó lắp đặt lại thiết bị mới cho đảm bảo.

- Gia cố lan can hành lang tầng 2 bằng inox 201.

- Tháo dỡ lan can cầu thang trong nhà và thay lại bằng lan can inox cho đảm bảo sau đo mại lại toàn bộ mặt, cổ bâc cầu thang cho đảm bảo vệ sinh.

- Vệ sinh và láng chống thấm toàn bộ seno mái bằng màng khò nóng (chống thấm đáy và vén thanh 2 bên mỗi bên lên 150mm) với tổng diện tích S=120.2m2.

- Tháo dỡ và thay thế 08 ống thoát nước mái bằng ống PVC D90mm với mỗi ống gồm 7.5m ống PVC D90mm, 01 phễu thu nước S90mm và 01 cút nhựa D90mm.

- Nạo hút bể tự hoại cũ và vệ sinh công nghiệp toàn nhà cho đảm bảo.

(Chi tiết theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được duyệt)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

- Căn cứ Tiêu chuẩn thiết kế VN do BXD ban hành, cùng các tiêu chuẩn thiết kế, quy phạm thiết kế có liên quan khác như:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;

- TCVN 5573-2011 - Kết cấu gạch đá và gạch bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574-2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4091-1985 - Tiêu nghiệm thu các công trình xây dựng;

- TCXD 9379 - 2012 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- Công tác đất - thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012;

- Và các tiêu chuẩn hiện hành khác…

11. Tổng mức đầu tư: **7.000.000.000** đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn)*.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.076.085.008	đồng.
- Chi phí QLDA:	207.103.748	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	535.248.399	đồng.
- Chi phí khác:	99.175.116	đồng.
- Dự phòng:	82.387.729	đồng.

(Có biểu tổng hợp dự toán kinh phí xây dựng kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công năm 2026 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Võ Nhai.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

16. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Võ Nhai căn cứ vào các văn bản hiện hành của Nhà nước về xây dựng và các văn bản có liên quan để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng phòng Kinh tế xã; Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp Võ Nhai và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (T/h);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp (07b);
- KB NN khu vực VII - Phòng Giao dịch số 2;
- Hiệu trưởng Trường PTDTNT THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm;
- Lưu: VT, LĐVP, TH.

(Điệp - XDNN&MT)

Q. CHỦ TỊCH

U.B.N.D VÕ NHAI T.THÁI NGUYÊN

Phạm Minh Phương

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA KHU KÝ TÚC XÁ A VÀ KÝ TÚC XÁ B TRƯỜNG PTDTNT THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

(Kèm theo Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 06/11/2026 của UBND xã Võ Nhai)

Đơn vị tính: (đ)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐỊNH MỨC	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**5.626.004.637**	**450.080.371**	**6.076.085.008**	**Gcpxd**
1.1	*Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công*				*5.564.791.926*	*445.183.354*	*6.009.975.280*	*Gxd*
	+ HẠNG MỤC: KHU KÝ TÚC XÁ A				3.109.692.492	248.775.399	3.358.467.891	Gxd.1
	+ HẠNG MỤC: KHU KÝ TÚC XÁ B				2.455.099.434	196.407.955	2.651.507.389	Gxd.2
1.2	*Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công*	*1,100 %*		*1,1% x Gxd*	*61.212.711*	*4.897.017*	*66.109.728*	*Gnt*
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,446 %**		**3,446% x (Gxd+Gtb)**	**191.762.730**	**15.341.018**	**207.103.748**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**495.600.370**	**39.648.029**	**535.248.399**	**Gtv**
3.1	*Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*4,37940 %*		*4,3794% x (Gxd+Gtb)*	*243.704.498*	*19.496.360*	*263.200.858*	*Gtv.2*
3.2	*Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế*	*0,258 %*	*1,2*	*0,258% x 1,2 x Gxd*	*17.228.596*	*1.378.288*	*18.606.884*	*Gtv.3*
3.3	*Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán*	*0,250 %*	*1,2*	*0,25% x 1,2 x Gxd*	*16.694.376*	*1.335.550*	*18.029.926*	*Gtv.4*
3.4	*Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng*	*0,432 %*		*0,432% x Gxd*	*24.039.901*	*1.923.192*	*25.963.093*	*Gtv.5*
3.5	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*	*0,100 %*		*0,1% x Gxd*	*5.564.792*	*445.183*	*6.009.975*	*Gtv.6*
3.6	*Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)*	*0,100 %*		*0,1% x Gxd*	*5.564.792*	*445.183*	*6.009.975*	*Gtv.7*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐỊNH MỨC	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
3.7	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*3,285 %*		*3,285% x Gxd*	*182.803.415*	*14.624.273*	*197.427.688*	*Gtv.8*
4	**Chi phí khác**				**94.451.488**	**4.723.628**	**99.175.116**	**Gk**
4.1	*Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)*	*0,019 %*		*0,019% x TMĐT*	*1.330.000*		*1.330.000*	*Gk.1*
4.2	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*0,498 %*		*0,498% x (TMĐT-DP)*	*34.449.709*		*34.449.709*	*Gk.2*
4.3	*Chi phí kiểm toán độc lập*	*0,834 %*		*0,834% x (TMĐT-DP)*	*53.419.339*	*4.273.547*	*57.692.886*	*Gk.3*
4.4	*Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III - Nghị định 67/2023/NĐ-CP)*	*0,080 %*		*0,08% x Gcpxd*	*4.500.804*	*450.081*	*4.950.885*	*Gk.4*
4.5	*Chi phí thuế tài nguyên môi trường*			*Bảng tính chi tiết*	*751.636*		*751.636*	*Gk.5*
5	**Chi phí dự phòng**			**Gdp1**	**76.284.934**	**6.102.795**	**82.387.729**	**Gdp**
5.1	*Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh*			*Phần còn lại của TMĐT*	*76.284.934*	*6.102.795*	*82.387.729*	*Gdp.1*
	TỔNG CỘNG (TMĐT)				**6.484.104.159**	**515.895.841**	**7.000.000.000**	
Bằng chữ: Bẩy tỷ đồng chẵn./.								